

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 34/2021/DS-GĐT

Ngày 05/7/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 11*** (mười một) thành viên tham gia xét xử, do ông Lại Văn Trinh - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** ông Mai Thanh T; địa chỉ đăng ký thường trú: N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; cư trú: B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. ***Bị đơn:*** Công ty TNHH Th; địa chỉ: B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị V - Giám đốc.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** bà Chu Thị Ngọc H; cư trú: T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông Mai Thanh T trình bày: từ đầu năm 2017 đến ngày 01/10/2018, Công ty TNHH Th (sau đây viết tắt là Công ty Th) do bà Nguyễn Thị V làm giám đốc đã nhiều lần vay tiền của Ông để đầu tư xây dựng khách sạn V, khi vay các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng Công ty Th chưa trả khoản tiền lãi nào cho Ông. Ngày 01/10/2018, hai bên đối chiếu nợ, xác định Công ty Th nợ Ông 56.000.000.000 đồng nên đại diện Công ty Th là bà Nguyễn Thị V viết Giấy mượn tiền ghi ngày 01/10/2018 và hẹn đến ngày 24/2/2019 trả nợ, Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 có ghi lùi ngày, còn ngày ghi chính thức giấy này thì Ông không nhớ; ngày 15/02/2019, bà V thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp 70% trong công ty cho Ông (khách sạn V), Ông đã giao cho bà V 39.000.000.000 đồng, khoản tiền này là riêng biệt.

Đối với khoản tiền 56.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 thì Công ty Th chưa trả cho Ông nên Ông yêu cầu Công ty Th trả 56.000.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi; còn khoản tiền 39.000.000.000 đồng theo Giấy Biên nhận tiền ngày 16/02/2019 mà Ông giao cho bà V để nhận chuyển nhượng vốn góp 70% trong Công ty Th theo *Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp* ngày 15/02/2019 thì Ông đã khởi kiện và đang được Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết.

- Bị đơn là Công ty TNHH Th trình bày: giữa Công ty TNHH Th với ông Mai Thanh T và bà Chu Thị Ngọc H không có bất kỳ thực hiện một giao dịch dân sự hay hoạt động thương mại nào với nhau. Bà V là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Th, từ tháng 10/2016 đến tháng 10/2018 bà V xây dựng khách sạn V xong, sau đó đưa vào hoạt động nhưng do nợ nhiều người, cụ thể nợ bà Thái Thị T 5.000.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim L 6.000.000.000 đồng, ông Đỗ Văn H 45.000.000.000 đồng và Ngân hàng thương mại cổ phần A 111.000.000.000 đồng nên bà V muốn bán khách sạn để trả nợ. Ngày 07/01/2019, thông qua anh T (Công an hình sự thành phố N) giới thiệu bà V gặp bà Chu Thị Ngọc H, bà H có hỏi mua khách sạn trên. Khoảng đầu năm 2019, bà Thái Thị T thuê Công ty thu hồi nợ D đến khách sạn V đòi nợ, quấy phá, không cho bà V kinh doanh, do sợ hãi nên bà V điện thoại nhờ bà H giúp đỡ thì bà H đồng ý. Bà H nói với bà V là bà H có chồng là ông Mai Thanh T làm Công an thành phố N, có thể đứng ra giải quyết và dàn xếp được với điều kiện bà V phải làm theo những gì bà H nói. Sau đó, bà H phô tô giấy chứng minh nhân dân của ông T đưa cho bà V yêu cầu bà V ký các loại giấy tờ gồm Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, Biên bản bàn giao khách sạn V N, Biên bản bàn giao con dấu, Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018, Biên nhận tiền ngày 16/02/2019 nhưng tất cả giấy này đều ghi lùi ngày. Mục đích ghi các giấy này là để ông T, bà H yêu cầu Công ty đòi nợ D không được cản trở hoạt động kinh doanh của khách sạn V vì ông T, bà H đã nhận chuyển nhượng vốn góp (khách sạn V) của bà V. Sau khi ông T, bà H can thiệp thì Công ty thu hồi nợ D không đến quấy phá nữa, bà H yêu cầu bà V trả công 500.00.000 đồng nhưng bà V không có tiền nên chưa trả; đến ngày 24/3/2019, bà V và bà H, ông T thỏa thuận chuyển nhượng khách sạn V với giá 275.000.000.000 đồng và bà H, ông T đứng ra trả nợ 56.000.000.000 đồng cho bà T, bà L, ông H và trả 111.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Anhung sau đó bà H, ông T không trả nên bà V không đồng ý chuyển nhượng nữa.

Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 là giao dịch giả cách, ghi không, chứ thực tế không có việc ông T cho Công ty TNHH Thiên Phú vay tiền, vì vậy Công ty Th không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Ngọc H trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị V - Giám đốc Công ty Th có quan hệ làm ăn với nhau từ năm 2017, khi Công ty Th có nhu cầu vốn kinh doanh thì có vay của Bà và ông T nhiều lần, đến ngày 01/10/2018, hai bên kết toán các khoản nợ còn phải thanh toán và viết chung thành một giấy mượn tiền với số tiền 56.000.000.000 đồng. Bà và ông T sống chung với nhau, nay Bà đồng ý để cho ông T được sở hữu toàn bộ số tiền mà Công ty Th mượn của Bà và ông T, Bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty Th trả cho ông T 56.000.000.000 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS.ST ngày 19/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thanh T.

Buộc Công ty TNHH Th phải trả cho ông Mai Thanh T số tiền 56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Ngày 20/8/2019, Công ty TNHH Th kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị số 327/QĐKNPT-DS ngày 19/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2019/DS-PT ngày 13/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Th và Quyết định kháng nghị số 327/QĐKNPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 87, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 13, Điều 29, Điều 30, Điều 38, Điều 43, Điều 44 và Điều 49 Luật Doanh nghiệp;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thanh T.

Buộc Công ty TNHH Th phải trả cho ông Mai Thanh T 56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 13/01/2020, Công ty TNHH Th có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 03/2020/KN-DS ngày 22/10/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2019/DS-PT ngày 13/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS.ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định số 03/2020/KN-DS ngày 22/10/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, bà V khai ngày 19/3/2019 ông Trương Nhất Long có chụp hình việc nhân viên Công ty thu hồi nợ D đến khách sạn V gây áp lực yêu cầu trả nợ, tại thời điểm này có mặt bà H và Công an thành phố N có đến hiện trường kiểm tra hành chính, lập biên bản sự việc; bà V cung cấp hình ảnh trên để chứng minh có sự việc bà H đứng ra giải quyết việc đòi nợ của nhân viên Công ty D đối với Công ty Th tại khách sạn V và sau đó bà H hứa đứng ra trả nợ cho bà T, bà L, ông H 56.000.000.000 đồng nên bà V mới ký giấy mượn tiền ngày 01/10/2018; đồng thời tại Giấy xác nhận ngày 14/8/2019 bà Nguyễn Thị Kim L có xác định: “ngày 24/3/2019 tôi có nhận được cuộc điện thoại của bà Chu Thị Ngọc H ... nói rằng ngày mai - ngày 25/3/2019 có ông Mai Thanh T sẽ thanh toán cho tôi 6 tỷ đồng trước khi ký hợp đồng mua khách sạn V. Số tiền 6 tỷ đồng nêu trên là số tiền tôi đầu tư vào khách sạn ... cho đến hôm nay là ngày 14/8/2019 tôi vẫn không nhận được bất kỳ khoản tiền thanh toán nào từ ông T theo như lời bà H đã nói trong cuộc gọi” (bút lục số 477); còn đối với bà T, ông H thì chưa có lời khai về vấn đề này. Như vậy, thực tế có sự việc nhân viên của

Công ty D đến khách sạn V đòi nợ nhưng Tòa án hai cấp chưa lấy lời khai những người làm chứng nêu trên cùng việc xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ thu thập được để làm sáng tỏ sự việc bà V nhờ bà H, ông T đứng ra can thiệp và hứa trả nợ cho bà L, ông H, cũng như việc trả nợ cho bà T, từ đó nhân viên Công ty D dừng việc đòi nợ Công ty Th như bà V khai hay không.

[2] Theo ông T khai số tiền nợ 56.000.000.000 đồng là cho Công ty Th vay từ đầu năm 2017 đến ngày 01/10/2018 để xây dựng khách sạn V, còn bà V cho rằng không có việc vay mượn trên, nhưng tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2019/HĐCN ngày 15/02/2019 do hai bên ký kết, trong đó có nội dung thể hiện: “ ... Bên A (bà V) đồng ý chuyển nhượng cho bên B (ông T) 70 % vốn điều lệ của Công ty Th, giá trị thực tế 24.500.000.000 đồng ... Bên A cam kết rằng mình là chủ sở hữu hợp pháp với đầy đủ quyền hạn ... và cam kết rằng toàn bộ phần vốn góp được chuyển nhượng cho bên B không bị ràng buộc bất kỳ sự cầm giữ, sự yêu sách và **các khoản nợ nào, kể cả thuế bất kỳ ...**”, chứng tỏ các bên xác định không có khoản nợ nào ràng buộc đối với vốn góp xây dựng khách sạn tính đến thời điểm chuyển nhượng. Mặt khác, cùng thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp thì bà V viết Giấy biên nhận số tiền 39.000.000.000 đồng về việc chuyển nhượng vốn góp, trong khi đó tại Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 thể hiện thời điểm bà V trả nợ 56.000.000.000 đồng cho ông T là vào ngày 24/02/2019; như vậy nếu như Công ty Th còn nợ ông T 56.000.000.000 đồng thì việc ngày 16/02/2019 ông T tiếp tục giao 39.000.000.000 đồng cho Công ty Th theo Giấy mượn tiền trên mà không khấu trừ số tiền nợ 56.000.000.000 đồng là không hợp lý, không phù hợp với diễn biến của việc vay mượn tiền, chuyển nhượng vốn góp trong Công ty Th.

[3] Mặt khác, đối với việc chuyển nhượng vốn góp nêu trên, trong hồ sơ vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, lúc đầu ông T khai giá chuyển nhượng là 39 tỷ tại Bản tự khai ngày 20/11/2019 (bút lục 572), sau đó tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/8/2019 ông T khai giá là 275 tỷ (bút lục 378) nhưng trong hồ sơ vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*” mà Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa đang giải quyết, tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 (bút lục 10), ông T lại trình bày: “*Thực hiện hợp đồng, tôi đã giao đủ 39.000.000.000 đồng (ba mươi chín tỷ đồng) và bà V đã bàn giao toàn bộ khách sạn volga, con dấu cho tôi quản lý*” và tại Bản tự khai ngày 17/6/2019 (bút lục 81), ông T khai: “*...bà V chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của công ty Th cho tôi và tôi đã giao đủ số tiền 39.000.000.000 đồng (ba mươi chín tỷ đồng cho bà V và bà V đã làm thủ tục bàn giao con dấu, bàn giao công ty cho tôi quản lý...*”; cho thấy lời khai của ông T là không nhất quán.

[4] Qua nội dung trình bày của các bên tranh chấp nêu trên, cùng các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, thì những tình tiết cần phải được làm rõ đều liên

quan đến việc xem xét, đánh giá tính xác thực về Giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 với Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 15/02/2019; trong khi đó, bị đơn Công ty Th lại có đơn yêu cầu phản tố, trong đó: đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu Giấy mượn tiền ngày 01/10/2020, thì chỉ được xem là ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn; còn đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 15/02/2019 và yêu cầu trả lại con dấu của Công ty TNHH Th, nhận thấy các yêu cầu này của bị đơn không trùng với yêu cầu của nguyên đơn và có liên quan với nhau như phân tích trên, nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác, kịp thời, nhanh hơn khi tách ra thành từng vụ để giải quyết, cho nên đó là yêu cầu phản tố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm trước tiên phải thụ lý yêu cầu phản tố này của bị đơn để giải quyết trong cùng vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không thụ lý đơn mà ban hành thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố.

Do yêu cầu phản tố trên của bị đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, được quy định tại khoản 3 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho nên sau khi thụ lý yêu cầu phản tố nêu trên thì Tòa án thành phố N chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty TNHH Th trả cho ông Mai Thanh T 56.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở vững chắc; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, do vậy cần phải kháng nghị giám đốc thẩm với hướng hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm, bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

Do vụ án có tính chất phức tạp; mặt khác ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp” (Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 07/TB-TLVA) theo đơn khởi kiện của ông Mai Thanh T, cho nên giao hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý sơ thẩm, nhập vào vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp” thành một vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2019/DS-PT ngày 13/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án dân sự sơ thẩm số

20/2019/DS.ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Mai Thanh T với bị đơn là Công ty TNHH Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Ngọc H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học – TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Tòa án nhân dân thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Trình